TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phước Lộc – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.
2. Ông Dương Tấn Đấu – Chức vụ: Cán bộ hưu trí
Thư ký phiên tòa: ***Ông Phạm Văn Chung****– Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.*
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: ***Bà Cao Thị nhung*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST- HNGĐ, ngày 20/5/2019, về: "Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982
- **Bị đơn:** Anh Phạm Hữu H, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phú Quốc, Kiên Giang

- Con chung: Cháu Phạm Thị Bích H, sinh năm 2003; cháu Phạm Hữu Hoàng H, sinh năm 2011 (địa chỉ: cùng địa chỉ cha mẹ)

(chị L có đơn xin vắng mặt, anh H và con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Vào năm 2002 chị L và anh Phạm Hữu H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Quốc vào ngày 13 tháng 12 năm 2002.

Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau hai con chung là Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tôn trọng nguyện vọng của con về việc ở với ai, tuy nhiên chị L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Hữu H được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Toà tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật;

Tuy nhiên hồ sơ vụ án có thiếu sót là đương sự nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 08/5/2019 nhưng đến ngày 20/5/2019 mới thụ lý vi phạm khoản 3 Điều 195 bộ luật tố tụng dân sự; vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của chị Bùi Thị L về việc xin ly hôn với anh Phạm Hữu H, có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp có đăng ký kết hôn, được pháp luật thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, do anh H không lo chăm sóc vợ con, ham mê cờ bạc. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị L.

Về con chung: Hai con chung Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H có nguyện vọng theo ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Chị L đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung đến tuổi trưởng thành, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu xem xét, đề nghị miễn xét

Công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn L.

Anh Phạm Hữu H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hữu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ngày 13/12/2002 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị L và anh H thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh H ham mê cờ bạc bỏ bên gia đình. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận chị Bùi Thị L được ly hôn anh Phạm Hữu H

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh H có với nhau hai con chung là Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H. Khi ly hôn hai cháu H, H đều có nguyện vọng theo ở với mẹ.

Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của những người con chưa thành niên; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung là Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H cho chị Bùi Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng chi L không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Bùi Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35,147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Phạm Hữu H.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Phạm Thị Bích H và Phạm Hữu Hoàng H cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Anh Phạm Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Bùi Thị L.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0002553 ngày 08/5/2019, chị L không phải nộp thêm.

Anh Phạm Hữu H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần NgọcTriệu